

BÀN VỀ DỊCH NỘI NGỮ

Vũ Văn Đại*

Tiếp cận dịch thuật từ góc độ ngôn ngữ học, R.Jakobson (1959) phân biệt ba loại hình dịch là “dịch nội ngữ” (*intralingual translation* hoặc *rewording*), “dịch liên ngữ” (*interlingual translation* hoặc *translation proper*) và “dịch liên ký hiệu” (*intersemiotic translation* hoặc *transmutation*). Dịch nội ngữ là “sự giải nghĩa các từ ngữ của một ngôn ngữ bằng cách sử dụng chính ngôn ngữ đó”. Dịch liên ngữ (*interlingual translation*) là loại hình dịch thực sự, nhằm “giải nghĩa các từ ngữ của một ngôn ngữ bằng cách sử dụng từ ngữ của ngôn ngữ khác”. Tuy nhiên tác giả chưa đề cập đến vị trí và chức năng của dịch nội ngữ trong quá trình dịch liên ngữ với tư cách là một quá trình tri nhận. Bài viết của chúng tôi góp phần làm sáng tỏ những vấn đề này.

Từ khóa: dịch nội ngữ, dịch liên ngữ, giải nghĩa từ ngữ, quá trình tri nhận, giảng dạy dịch

Considering the linguistic aspects of translation, R.Jakobson (1959) distinguishes three kinds of translation: *intralingual translation* or *rewording*, *interlingual translation* or *translation proper* and *intersemiotic translation* or *transmutation*. *Intralingual translation* is “an interpretation of verbal signs by means of other signs of the same language”; *Interlingual translation* or *translation proper*, is “an interpretation of verbal signs by means of another language”. However, the author has not yet specified the position and function of *intralingual translation* in the process of *interlingual translation* defined as a cognitive process. Our paper contributes to clarify this problem.

Key words: *intralingual translation*, *interlingual translation*, *interpretation*, *cognitive process*, *teaching and learning of translation*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Khái niệm “dịch nội ngữ” (*intralingual translation* hoặc *rewording*) lần đầu tiên được nhà ngôn ngữ học R. Jakobson nêu ra năm 1959 trong bài báo khoa học nổi tiếng của ông nhan đề *Bình diện ngôn ngữ học của dịch thuật* (*On Linguistic Aspects of Translation*). Trong nghiên cứu này, tác giả phân biệt ba loại hình dịch là “dịch nội ngữ”, “dịch liên ngữ” và “dịch liên ký hiệu”. Tuy đã định nghĩa tường minh về

các loại hình dịch nêu trên, nhưng tác giả chưa đề cập đến mục đích và mối quan hệ giữa chúng. Sau Jakobson, các mô hình lí thuyết dịch xuất hiện vào cuối thế kỷ XX, trong đó đáng chú ý nhất là *lí thuyết dịch giải nghĩa* (*théorie interprétative de la traduction*) của trường phái Paris đều quan niệm dịch liên ngữ là một quá trình tri nhận. Nhưng vị trí, vai trò của dịch nội ngữ trong quá trình đó là gì vẫn là vấn đề thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Nhằm góp phần làm sáng tỏ bản chất, chức năng của dịch nội ngữ trong quá trình dịch liên ngữ, bài viết của chúng tôi

* GS. TS., Khoa tiếng Pháp, Trường Đại học Hà Nội

Email: daiphap@hanu.edu.vn

trước hết trình bày quan điểm của Jakobson về dịch thuật, sau đó phân tích vị trí, chức năng của dịch nội ngữ dưới ánh sáng của lý thuyết dịch giải nghĩa và cuối cùng thảo luận về đối tượng của dịch liên ngữ.

1. Quan điểm của Jakobson về dịch thuật

Roman Ossipovitch Jakobson (tiếng Nga: Роман Осипович Якобсон), sinh ngày 10 tháng 10 năm 1896 tại Mátxcova, và mất ngày 18 tháng 7 năm 1982 tại Boston (Mỹ) là một trong những nhà ngôn ngữ học nổi tiếng của thế kỷ XX. Ông được biết đến là một trong những người sáng lập trường phái ngôn ngữ học Praha và là người đặt nền móng cho việc phân tích cấu trúc ngôn ngữ. Ông còn là tác giả của sơ đồ giao tiếp ngôn ngữ nổi tiếng mà giới nghiên cứu thường gọi là “sơ đồ Jakobson”.

Bài báo “Bình diện ngôn ngữ học của dịch thuật” của ông công bố năm 1959 và được tái bản bằng tiếng Pháp¹ năm 1963 trong chuyên khảo Luận về ngôn ngữ học đại cương, đến nay vẫn còn được nhiều người trích dẫn. Trong nghiên cứu này, trước hết Jakobson nêu rõ quan điểm của mình về nghĩa của từ ngữ. Chịu ảnh hưởng của Pierce², ông cho rằng nghĩa

“của một tín hiệu ngôn ngữ³ chính là sự diễn giải bằng một tín hiệu khác có thể thay thế cho nó, đặc biệt bằng một tín hiệu trong đó nó được diễn giải đầy đủ hơn”. Theo quan điểm này, nghĩa của từ “bachelor” (người độc thân) có thể được diễn giải một cách tường minh hơn là “người chưa chồng, chưa vợ”; hoặc có thể thay thế từ “cheese” (phó mát) bằng một biểu thức định nghĩa đầy đủ hơn là “thực phẩm làm từ sữa đông”. Từ đó, tác giả cho rằng tín hiệu ngôn ngữ có thể được diễn giải theo ba cách: i) bằng một tín hiệu khác của cùng một ngôn ngữ, ii) bằng một tín hiệu khác của một ngôn ngữ khác và iii) bằng một tín hiệu của hệ thống biểu tượng phi ngôn từ. Tương ứng với ba phương thức diễn giải này là ba loại hình dịch mà Jakobson lần lượt gọi là dịch nội ngữ, dịch liên ngữ và dịch liên tín hiệu.

Dịch nội ngữ được định nghĩa là “sự giải nghĩa các tín hiệu ngôn ngữ bằng các tín hiệu khác của chính ngôn ngữ đó” (Intralingual translation or *rewording* is an interpretation of verbal signs by means of other signs of the same language). Theo định nghĩa này, dịch nội ngữ chính là giải nghĩa từ ngữ của một ngôn ngữ bằng cách sử dụng từ đồng nghĩa, từ gần nghĩa hoặc các biểu thức phỏng nghĩa (*paraphrase*) của chính ngôn ngữ đó. Ví dụ, từ tiếng Anh “cheese” sẽ được “dịch” là “food obtained by fermentation of curdled milk” (thực phẩm chế biến từ sữa đông lên men). Nhưng cần phải lưu ý rằng về

¹ Bản dịch của Nicolas Ruwet

² Charles Sanders Peirce (1839-1914), nhà triết học và tín hiệu học người Mỹ, được coi là người sáng lập chủ nghĩa thực dụng Mỹ (*pragmatisme*) cùng với William James; ông cũng là cha đẻ của ngành tín hiệu học hiện đại (*sémiotique*) cùng với F de Saussure, đồng thời là một trong những nhà lô gic học nổi tiếng.

³ Tức là “từ”, “ngữ”

nguyên tắc, giữa các đơn vị từ ngữ không có sự tương đương hoàn toàn, như Jakobson đã viết:

Tuy nhiên, từ đồng nghĩa không hoàn toàn tương đương với nhau, ví dụ, người chưa lập gia đình là người độc thân, nhưng không phải người độc thân nào cũng là người chưa lập gia đình. Một từ hoặc một nhóm từ, nói ngắn gọn, một đơn vị ngôn ngữ ở cấp độ cao nhất, có thể được giải nghĩa đầy đủ bằng một tập hợp các đơn vị khác tương đương với nó, tức là bằng một thông điệp quy chiếu về nó: “người độc thân là người chưa lập gia đình và người chưa lập gia đình là người độc thân”, hoặc “người chưa lập gia đình chắc chắn là người không kết hôn và những người chắc chắn không kết hôn là những người không lập gia đình”.

Mặt khác, theo chúng tôi, trước khi xem xét khả năng thiết lập sự tương đương ngữ nghĩa bằng các từ đồng nghĩa, người nghiên cứu cần trả lời câu hỏi vì sao phải dịch nội ngữ, và mục đích của thao tác này là gì? Theo định nghĩa, dịch nội ngữ diễn ra trong những tình huống giao tiếp đơn ngữ thông thường, trong đó các chủ thể nói năng sử dụng cùng một hệ mã ngôn ngữ. Vì vậy, vấn đề giải mã ngôn ngữ chỉ đặt ra khi có một số đơn vị mã gây khó khăn cho việc nắm bắt nghĩa của phát ngôn. Nói chung, đó là những đặc ngữ, từ tổ, hay những thuật ngữ chuyên ngành được sử dụng trong một lĩnh vực tri thức nhất định, ví dụ *trái phiếu*, *trái phiếu chính phủ*, *phát hành trái phiếu*, trong phát ngôn “Kho bạc Nhà nước thông báo

phát hành trái phiếu chính phủ đợt 95 năm 2017”. Khi người đối thoại với mình không hiểu những từ và cụm từ nêu trên, một người Việt có thể giải thích như sau: “*trái phiếu* là một loại chứng khoán quy định nghĩa vụ của người phát hành (người vay tiền) phải trả cho người nắm giữ chứng khoán (người cho vay) một khoản tiền xác định, thường là trong những khoảng thời gian cụ thể, và phải hoàn trả khoản cho vay ban đầu khi nó đáo hạn; *phát hành trái phiếu* là một hình thức vay vốn”; “*trái phiếu chính phủ* là trái phiếu do chính phủ phát hành”. Như vậy, người nói đã dùng tiếng Việt để “dịch” hay giải thích nghĩa của những từ, cụm từ tiếng Việt gây khó khăn cho người đối thoại. Hiện tượng này thường xuyên diễn ra một cách tự nhiên trong giao tiếp của một cộng đồng ngôn ngữ. Đây cũng là một hoạt động quen thuộc đối với các giáo viên dạy tiếng mẹ đẻ hoặc ngoại ngữ. Tất cả đều nhằm mục đích giải nghĩa một đơn vị từ bằng các từ đồng nghĩa hay bằng các biểu thức định nghĩa, làm cho thông điệp được tường minh và dễ tiếp cận đối với người đối thoại.

Hơn nữa việc giải nghĩa từ ngữ theo phương thức phỏng nghĩa nêu trên đặt ra vấn đề về cấp độ phân tích ngữ nghĩa. Thực vậy, có hai cấp độ nghĩa cần phân biệt là cấp độ đơn vị từ và cấp độ biểu thức định nghĩa đơn vị từ. Nghĩa của đơn vị từ thuộc cấp độ chuẩn mực, đã được cộng đồng ngôn ngữ công nhận và được ghi trong từ điển. Còn biểu thức định nghĩa đơn vị từ đó thuộc cấp độ cá nhân,

phụ thuộc vào kiến thức và năng lực chuyên môn của mỗi chủ thể nói năng. Ví dụ, một chuyên gia tin học sẽ đưa ra một định nghĩa về “máy tính” đầy đủ hơn, chính xác hơn người không có kiến thức tin học.

Dịch liên ngữ (*interlingual translation*), theo Jakobson, là loại hình dịch thực sự, nhằm mục đích “giải nghĩa các tín hiệu ngôn ngữ bằng các tín hiệu của một ngôn ngữ khác” (*Interlingual translation or translation proper is an interpretation of verbal signs by means of the some other language*). Tiếp cận dịch thuật từ góc độ ngôn ngữ học, tác giả quan tâm trước hết đến vấn đề xác định nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ. Điều này là hoàn toàn xác đáng bởi lẽ có thể dễ dàng chứng minh rằng các ngôn ngữ biểu hiện cùng một nghĩa bằng những phương thức khác nhau. Điều này là do sự khác biệt trong tư duy cũng như trong phương thức tri nhận thế giới của mỗi dân tộc. Trước thực tế này, việc dịch nguyên tự, bám sát vào từ ngữ, trong nhiều trường hợp đều không phù hợp vì thao tác này dẫn đến những phát ngôn vô nghĩa, sai nghĩa so với nguyên bản. Từ đó, trong dịch liên ngữ, vấn đề đặt ra cho người dịch là phải xác định đúng các tương đương nghĩa trước sự đa dạng của các phương thức biểu hiện. Jakobson không đưa ra định nghĩa về tương đương nhưng ông khẳng định không thể có tương đương hoàn toàn giữa các ngôn ngữ. Ông viết:

Từ tiếng Anh “cheese” (phó mát) không thể đồng nhất với từ tiếng Nga

“сыр”, vì người Nga dùng phó mát (сыр) kèm với một sản phẩm nữa là творог, như trong phát ngôn: принеси сыр и творог (xin mang cho phó mát và sữa đông).

Vì vậy ông kết luận việc dịch không nhằm thay thế một đơn vị từ riêng lẻ của một ngôn ngữ bằng các đơn vị tương ứng của ngôn ngữ khác mà nhằm thay thế một thông điệp. Người dịch có nhiệm vụ giải mã, tái lập mã và truyền đạt một thông điệp nhận được từ một nguồn phát. Mục tiêu của dịch là xây dựng các thông điệp tương đương từ hai loại mã khác nhau. Như vậy, xác định tương đương trong sự khác biệt, theo Jakobson, trở thành vấn đề cốt lõi và là nhiệm vụ ưu tiên của ngôn ngữ học. Và mọi nghiên cứu so sánh ngôn ngữ đều đòi hỏi phải xem xét khả năng chuyển dịch giữa chúng (*mutual translatability*). Ý kiến này của Jakobson đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, ông chưa nêu rõ cấp độ nghĩa nào cần biểu hiện ở ngữ đích: nghĩa của đơn vị từ hay nghĩa của biểu thức định nghĩa vốn là kết quả của dịch nội ngữ. Chúng tôi sẽ thảo luận vấn đề này ở phần (3).

Dịch liên tín hiệu hay chuyển đổi tín hiệu là sự giải nghĩa các tín hiệu ngôn ngữ bằng hệ thống tín hiệu phi ngôn từ (*Intersemiotic translation or transmutation is an interpretation of verbal signs by means of signs of nonverbal sign systems*). Theo định nghĩa này, dịch liên tín hiệu liên quan đến hai hoặc nhiều hệ thống tín hiệu. Đó có thể là hệ thống ngôn ngữ, hoặc phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu

bộ. Ngôn ngữ tự nhiên được coi là hệ thống tín hiệu tự nhiên và thế giới ngoài ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu nhân tạo. A.J. Greimas (1986) coi ngôn ngữ tự nhiên là những hệ thống tín hiệu vĩ mô có thể sản sinh ra nhiều tiểu hệ thống như danh từ chung, danh từ riêng, động từ, kết từ, từ chỉ xuất, văn bản...

Ra đời sau công trình của Jakobson gần ba mươi năm, lí thuyết dịch giải nghĩa của trường phái Paris đã áp dụng một cách tiếp cận mới. Dưới ánh sáng của lí thuyết này, vị trí và vai trò của dịch nội ngữ đã được xác định rõ ràng hơn, như chúng tôi trình bày ở phần sau.

2. Vị trí, vai trò của dịch nội ngữ trong quá trình dịch liên ngữ

Để xác định được vị trí, vai trò của dịch nội ngữ trước hết cần tìm hiểu quan điểm của *Lí thuyết dịch giải nghĩa*. Đây là lí thuyết được các học giả ở Trường biên phiên dịch cao cấp Paris trực thuộc Trường Đại học Paris III xây dựng và phát triển trên cơ sở nghiên cứu hoạt động dịch nói. Hai đại diện tiêu biểu của trường phái lí thuyết này là D. Seleskovitch và M. Lederer (1986). Theo các tác giả, dịch là một quá trình tri nhận (processus cognitif) gồm ba bước: bước một, nắm bắt *nghĩa lời nói* (sens) của ngữ nguồn, bước hai, *phi ngôn từ hóa* (déverbalisation), và bước ba, *diễn đạt nghĩa* đã hiểu bằng các phương tiện của ngữ đích. Trong định nghĩa trên có những khái niệm cần tường minh hóa là *nghĩa ngôn ngữ*, *nghĩa lời nói* và *phi ngôn từ hóa*.

Trước hết *nghĩa lời nói* được phân biệt với *nghĩa ngôn ngữ* như sau. *Nghĩa ngôn ngữ* là nội dung khái niệm mà từ ngữ biểu thị trong hệ thống ngôn ngữ, trong đó một đơn vị từ có thể đa nghĩa và những nét nghĩa khác nhau của nó được liệt kê trong từ điển. Ví dụ, từ *carte* trong hệ thống từ vựng tiếng Pháp có ba nghĩa là *bản đồ*, *quân bài*, *tấm thẻ*. Đây là những nghĩa tiềm ẩn, chưa được hiện thực hoá (*actualisation*) trong một phát ngôn (hay một câu). *Nghĩa lời nói* là nghĩa thích đáng nhất của đơn vị từ ngữ được sử dụng trong một phát ngôn cụ thể trong đó nhờ ngữ cảnh (linguistic context) và bối cảnh tình huống (situational context) mà tính đa nghĩa của từ ngữ bị loại trừ. Nói cách khác, trong một phát ngôn, các đơn vị ngôn ngữ đều trở thành đơn nghĩa. Ví dụ, trong câu “*A l’entrée de la Bibliothèque, vous devez présenter votre carte d’étudiant encore valable*”, từ “*carte*” chỉ còn biểu hiện một nghĩa duy nhất là “*thẻ*”: *Khi vào thư viện, bạn cần xuất trình thẻ sinh viên còn hạn sử dụng*.

Ví dụ khác, theo M. Lederer (1986:50), phát ngôn *J’ai acheté le journal* (*Tôi đã mua báo rồi*), đặt ngoài ngữ cảnh có thể có 3 nghĩa: i) *Tôi đã mua tờ báo mà chúng ta thường đọc*; ii) *Tôi đã hối lộ tờ báo đó*; và iii) *Tôi đã mua doanh nghiệp xuất bản tờ báo đó*. Nhưng trong tình huống một người chồng nói với vợ khi thấy vợ chuẩn bị đi mua sắm trong đó có cả việc mua tờ báo mà anh chồng thường đọc, thì phát ngôn chỉ còn duy nhất một nghĩa thích đáng, đó là (i): *Anh đã mua tờ báo thường*

đọc rồi và điều mà anh chồng muốn nói với vợ là “Em không phải mua nữa”.

Về khái niệm *phi ngôn từ hóa*, các tác giả cho rằng sau khi xác định được *nghĩa lời nói* của phát ngôn, phiên dịch chủ động “tạm quên” hay “rời xa” các hình thức ngôn từ cụ thể, chỉ ghi nhớ nghĩa lời nói đã hiểu. Đây là thao tác phi ngôn từ hóa, rất cần thiết trong dịch nói nhằm khắc phục những hạn chế về trí nhớ cơ học. Tình huống này giống như khi nghe một truyện cổ tích, nghe đến đâu ta hiểu đến đó, ta không nhớ những từ ngữ mà người kể đã sử dụng để thuật lại câu chuyện đó, nhưng có thể nhớ được nội dung và kể lại câu chuyện đã nghe bằng từ ngữ của chính mình.

Như vậy, đến *Lí thuyết dịch giải nghĩa*, dịch không còn được xem xét từ góc độ kết quả mà được coi là quá trình tri nhận gồm ba bước như đã trình bày. Tiếp cận *dịch như là một kết quả* có nghĩa là chỉ căn cứ vào bản dịch đã hoàn thành để xác định các tương đương dịch, hoặc để so sánh ngữ nguồn với ngữ đích về các mặt từ vựng-ngữ nghĩa, ngữ pháp và phong cách, bỏ qua các bước trong quá trình hoàn thành bản dịch. Trong giảng dạy dịch, nếu theo cách tiếp cận này, giáo viên sẽ giao cho sinh viên một bài dịch, giới hạn thời gian chuyển ngữ, sau đó chữa bài và cho đáp án, thường được coi là mẫu mực và là giải pháp dịch duy nhất. Kết quả là sinh viên có trong tay đáp án nhưng không hiểu, hoặc không thể biện luận cho đáp án đó và thường sử dụng lại giải pháp

mà giáo viên đã cho như kiểu các công thức sẵn có. Điều này không phát huy được tính sáng tạo của họ trong việc tìm giải pháp dịch phù hợp. Mặt khác các tình huống dịch luôn thay đổi tùy thuộc vào bối cảnh phát ngôn và nhiệm vụ giao tiếp ngôn ngữ, vì thế không thể áp dụng các công thức dịch cho mọi tình huống giao tiếp. Ngược lại, tiếp cận *dịch như một quá trình* là lần theo dấu vết tư duy của người dịch từ bước tiếp nhận xử lí thông tin từ ngữ nguồn, xác định thông điệp hay ý định giao tiếp của người nói đến việc truyền đạt lại thông điệp bằng ngữ đích. Theo cách tiếp cận này, thay vì chỉ cung cấp đáp án, giáo viên sẽ hướng dẫn sinh viên lần lượt thực hiện các thao tác cần thiết ở mỗi bước nêu trên. Trong những thao tác đó, việc phân tích diễn giải một cách chính xác nghĩa của văn bản nguồn quyết định chất lượng của bản dịch, đảm bảo cho sự tương đương hoàn toàn giữa thông điệp của ngữ nguồn và ngữ đích. Như vậy, đây là thao tác thực hiện ở bước thứ nhất của quá trình dịch liên ngữ và tương ứng với hình thức dịch nội ngữ mà Jakobson đã định nghĩa. Nói cách khác dịch nội ngữ diễn ra ở bước thứ nhất của quá trình liên ngữ, nhằm mục đích xác định đúng nghĩa lời nói của phát ngôn trong nguyên bản trước khi lựa chọn những phương tiện phù hợp trong ngữ đích để tái biểu hiện nghĩa đó. Đến đây đặt ra một vấn đề mang tính nguyên tắc là cần dịch sang ngữ đích nghĩa của đơn vị từ hay biểu thức định nghĩa nó? Nói cách khác đối tượng của dịch liên ngữ là gì?

3. Đối tượng của dịch liên ngữ

Xác định đối tượng của dịch liên ngữ chính là xác định yếu tố cần chuyển dịch sang ngữ đích, cụ thể là trả lời câu hỏi nêu ở cuối phần (2) trên đây. Nhưng trước hết chúng ta cần tìm hiểu quan điểm của các nhà lí luận dịch về vấn đề này.

Một trong những người khởi xướng *Lí thuyết dịch giải nghĩa*, M. Lederer (1986: 18) khẳng định “nghĩa lời nói của phát ngôn là đối tượng cần chuyển sang ngữ đích”. Theo tác giả này trong giao tiếp, “nghĩa lời nói hình thành từ sự liên kết giữa các từ và câu trong mối quan hệ bổ sung và được xây dựng theo sự phát triển của chuỗi lời nói”. Như vậy nghĩa lời nói chính là nội dung của phát ngôn, là thông điệp mà người nói muốn truyền đạt, mà người dịch cần phải tái biểu hiện trong ngữ đích. Quan điểm trên, theo chúng tôi, là kết quả của những nghiên cứu về dịch nói vốn có những đặc điểm khác biệt với dịch viết. Thực vậy, dịch nói thực hiện trong những tình huống đòi hỏi phải đảm bảo giao tiếp tức thì (ví dụ, trong các hội nghị quốc tế), phiên dịch không có thời gian tu từ nên dịch nghĩa là sự lựa chọn đúng đắn nhất vì phương pháp này cho phép truyền đạt thông tin nhanh chóng đồng thời tránh được những lỗi giao thoa ngôn ngữ, lỗi can từ, gây khó hiểu thậm chí khiến giao tiếp bị bế tắc.

Tuy nhiên, thực tiễn dịch thuật cho thấy dịch nghĩa khó có thể áp dụng cho tất cả các loại hình văn bản, đặc biệt là những văn bản mà hình thức diễn đạt cũng quan

trọng như nội dung, ví dụ, văn bản văn học, triết học và chính luận. Vì thế, ý kiến của nhà nghiên cứu người Anh P. Newmark (1988) là xác đáng khi ông cho rằng không nên áp dụng một phương pháp dịch duy nhất mà phải căn cứ vào loại hình văn bản để lựa chọn *dịch ngữ nghĩa* hay *dịch giao tiếp*. Theo tác giả, *dịch ngữ nghĩa* là truyền đạt chính xác nghĩa ngữ cảnh của văn bản nguồn đồng thời tôn trọng các quy tắc ngữ pháp-ngữ nghĩa của ngữ đích, trong khi đó *dịch giao tiếp*⁴ nhằm tạo ra sự tác động tương đương như với độc giả của nguyên bản dựa trên nguyên tắc hai văn bản có thể tương đương về ngữ nghĩa nhưng có thể không tương đương về hiệu quả giao tiếp. Như vậy *dịch ngữ nghĩa* theo trường phái Paris tương ứng với *dịch giao tiếp* theo lí thuyết của Newmark. Tuy nhiên, nhà lí luận này chủ trương ưu tiên ngữ nguồn, và dịch ngữ nghĩa, thậm chí trong nhiều trường hợp phải sử dụng cả trực dịch, vì ông cho rằng với phương pháp đó bản dịch còn nằm trong khuôn khổ ngôn ngữ và văn hóa của ngữ nguồn và duy trì được các sắc thái văn phong tinh tế như so sánh hình ảnh, tỷ dụ, hoán dụ. Ông còn chỉ ra rằng dịch giao tiếp là truyền đạt thông tin, tái tạo lại thông tin mà tác giả nguyên bản muốn truyền đạt, còn dịch ngữ nghĩa là sự phản ánh quá trình tư duy của tác giả, nó cho biết tác giả nghĩ gì và nghĩ như thế nào.

Tóm lại, chúng tôi đã tóm tắt các nguyên tắc phương pháp luận của

⁴Tức là “dịch ý”

Newmark và của trường phái Paris liên quan đến đối tượng của dịch liên ngữ để chứng minh rằng phương pháp dịch nghĩa có nhiều ưu điểm đối với loại hình dịch nói, nhưng không thể áp dụng cho mọi tình huống dịch, và mọi loại hình văn bản. Nói cách khác, chúng tôi ủng hộ quan điểm của Newmark khi tác giả này cho rằng việc lựa chọn phương pháp dịch tùy thuộc vào đặc điểm loại hình của văn bản nguồn. Thực tế dịch thuật cho thấy trong nhiều trường hợp dịch ngữ nghĩa lại là giải pháp tối ưu. Ví dụ, câu nói sau của chủ tịch Hồ Chí Minh khi người trả lời phỏng vấn của nhà báo Pháp, A.Blanchet, đăng trên báo Pháp *Thế giới*, tháng 2 năm 1946, tái bản năm 2015⁵: “Il vaut mieux qu’il y ait moins de Vietnamiens que d’avoir des millions d’esclaves”. So sánh phương pháp dịch ngữ nghĩa: “Thà có ít người Việt Nam hơn là có hàng triệu dân nô lệ” với phương pháp dịch giao tiếp: “*Người Việt Nam có thể hy sinh nhiều hơn nhưng không chịu làm nô lệ*”, chúng ta sẽ thấy dịch giao tiếp tạo ra một thông điệp dễ hiểu, nhưng không duy trì được những sắc thái văn phong nằm ở chiều sâu ngôn ngữ-văn hóa, ở đây là so sánh tương phản. Ví dụ khác, thành ngữ Pháp “*Pierre qui roule n’amasse pas mousse*” nếu dịch giao tiếp là “Sống phiêu lưu không tích lũy được của cải” sẽ không có sức nặng

biểu cảm bằng câu dịch ngữ nghĩa “Viên đá hay lăn không mọc rêu”.

Những cơ sở lí thuyết trên đây cho phép chúng ta thảo luận về vấn đề dịch nghĩa của đơn vị từ hay biểu thức định nghĩa nó.

Chúng tôi nhất trí với quan điểm cho rằng đối tượng của dịch liên ngữ là nghĩa lời nói trong phát ngôn của đơn vị từ ngữ. Nhưng cần lưu ý rằng nghĩa lời nói là do người dịch xác định trên cơ sở phân tích, diễn giải các yếu tố ngôn ngữ (từ pháp, cú pháp, văn phong), và các yếu tố tri nhận bổ sung (ngữ cảnh, tình huống phát ngôn, quy chiếu văn hóa hàm ngôn). Đây chính là thao tác dịch nội ngữ nhưng thao tác này không chỉ giới hạn ở việc tìm ra biểu thức định nghĩa các đơn vị từ ngữ mà là quá trình giải mã ngôn ngữ nguồn, phân tích ngữ cảnh và tình huống phát ngôn vốn là những yếu tố góp phần tạo nghĩa lời nói và loại trừ tính đa nghĩa của từ ngữ, như trong ví dụ sau:

“*En raison de ce manque d’eau, empêchant les plantes d’absorber les engrais, les producteurs n’ont réalisé qu’une application au lieu des trois habituelles, compromettant d’ores et déjà la récolte de l’année prochaine*”. (Nicolas Bourcier, *Le Monde.fr*, 13.04.2014)

ở mục từ *application*, Từ điển Pháp-Việt 1988, Lê Khả Kế chủ biên, cho ba nghĩa là *sự gắn vào, sự áp dụng, ứng dụng, sự chăm chỉ chuyên cần*, nhưng cả ba nghĩa này đều không phù hợp với câu trên. Do vậy người dịch cần phân tích ngữ cảnh

⁵ Báo Pháp *Thế giới* tái bản năm 2015 những bài viết về chủ tịch Hồ Chí Minh theo trình tự thời gian từ năm 1945 đến khi đất nước thống nhất trong tập sách nhan đề “Hồ Chí Minh, biểu tượng độc lập của Việt Nam”; bản tiếng Việt của Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật năm 2016.

để tìm ra nghĩa đúng là: *sự bón phân*. Câu tiếng Việt tương đương là:

Do hạn hán thiếu nước khiến cây cối không hấp thụ được phân bón nên người trồng trọt chỉ bón phân được một lần, thay vì ba lần như thường lệ; điều này ảnh hưởng đến vụ thu hoạch năm sau.

Đối với những từ, cụm từ hay đặc ngữ thể hiện phương thức tư duy độc đáo của một cộng đồng ngôn ngữ văn hóa, khác biệt với cộng đồng khác, theo chúng tôi, cần chuyển dịch biểu thức định nghĩa, nhằm tránh tạo ra sự khó hiểu đối với độc giả bản dịch. Sau đây là một số ví dụ.

“Mặt khác, người lao động cũng ý thức được tác hại của nhảy việc, nhất là trong thời điểm cuối năm nên mọi người đều cố gắng tích lũy thời gian, thâm niên lao động để trông đợi tiền thưởng Tết”. (Xuân Thảo - Báo Hải quan, ngày 28/11/2013)

Cụm từ *nhảy việc* là một đặc ngữ tiếng Việt cần được dịch sang ngữ đích là “hiện tượng thay đổi việc làm liên tục”.

“Cùng với việc khoán 10 là sự đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, đổi mới hoạt động kinh tế-xã hội ở nông thôn”. (www.idialy.com 3/2016)

Việc dịch nội ngữ cho phép người dịch hiểu được nghĩa của cụm từ “khoán 10” là khoán cho các hộ nông dân theo Nghị quyết 10, năm 1988 của Bộ Chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi chuyển ngữ, ta cần dịch biểu thức định nghĩa này nhằm giúp độc giả đích dễ dàng hiểu được nghĩa của cụm từ đó: khoán theo Nghị

quyết 10 của Đảng Cộng sản Việt Nam. Không hiểu đúng nghĩa, người dịch chắc chắn sẽ can từ tiếng Việt sang ngữ đích gây khó hiểu cho độc giả.

“Theo Ban chỉ đạo 398 Bộ Tài chính, thời gian qua, tình hình hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh trái phép, vi phạm an toàn thực phẩm, sở hữu trí tuệ, hàng giả, hàng kém chất lượng diễn biến khá phức tạp”. (N. Ánh, báo Tài chính ngày 17/02/2016)

Nhằm tạo ra một thông điệp “trong suốt” đối với độc giả đích theo cách nói của Mounin, cần dịch sang ngữ đích biểu thức định nghĩa cụm từ “Ban chỉ đạo 398” là “Ban chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả”.

Mặt khác, người dịch còn phải cảnh giác với những trường hợp “bạn giả”, ví dụ, “socialisation” và “xã hội hóa”. Theo Từ điển Larousse⁶, từ “socialisation” trong tiếng Pháp có 3 nghĩa: i) *tập thể hóa các phương tiện sản xuất, nguồn lực, tín dụng...; ii) biến đổi một nước có chế độ chính trị khác thành nước xã hội chủ nghĩa và iii) quá trình hòa nhập xã hội của trẻ em*. Những nghĩa này hoàn toàn khác với nghĩa của người “bạn giả” tiếng Việt là “huy động nguồn lực của tất cả các thành phần xã hội, trong đó có khu vực tư nhân để phát triển kinh tế-xã hội”. Rõ ràng việc dịch biểu thức định nghĩa đơn vị từ trong trường hợp này là bắt buộc.

⁶ <http://www.larousse.fr/dictionnaires/francais/socialisation/73141>

Kết luận

Dịch nội ngữ theo quan điểm của Jakobson là hình thức diễn giải nghĩa của đơn vị từ bằng cách sử dụng những đơn vị từ đồng nghĩa hay biểu thức định nghĩa của cùng một ngôn ngữ. Hình thức này cho phép hiểu chính xác và đầy đủ hơn nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ. Sau Jakobson, lí thuyết dịch giải nghĩa của trường phái Paris cho rằng dịch là một quá trình tri nhận gồm các bước hiểu, phi ngôn từ hóa và diễn đạt nghĩa lời nói của phát ngôn bằng ngữ đích. Dưới ánh sáng của lí thuyết này, dịch nội ngữ được thực hiện ở bước đầu của quá trình dịch liên ngữ, và có nội hàm rộng hơn. Dịch nội ngữ không còn giới hạn ở sự định nghĩa hay phỏng nghĩa đơn vị từ, cụm từ mà là một hoạt động giải mã ngôn ngữ nguồn với các nhiệm vụ: i) phân tích từ pháp với mục đích phân biệt nghĩa từ điển với nghĩa lời nói của từ ngữ trong phát ngôn, ii) phân tích cú pháp nhằm xác định mối quan hệ giữa các mệnh đề trong câu, vì quan hệ cú pháp là cơ sở của quan hệ ngữ nghĩa, đồng thời tường minh hóa những yếu tố không rõ nghĩa, lược bỏ những yếu tố dư thừa, và iii) phân tích ngữ cảnh và tình huống phát ngôn là những yếu tố góp phần tạo nghĩa

của các đơn vị từ đã được hiện thực hóa trong phát ngôn. Ba thao tác phân tích trên đều nhằm xác định chính xác nghĩa lời nói của phát ngôn, đối tượng của dịch liên ngữ trong đa số trường hợp giao tiếp. Đây là chức năng của dịch nội ngữ trong quá trình dịch liên ngữ. Cần tránh nhầm chức năng này với những kỹ thuật tái diễn đạt nghĩa lời nói bằng ngữ đích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Greimas, A. J. (1986), *Sémantique structurale*. Paris : P.U.F.
2. Jakobson, R. (1963). Aspects linguistiques de la traduction. In *Essais de linguistique générale* (trad. Nicolas Ruwet), (pp.71-86). Paris: Éditions de Minuit ["On Linguistic Aspects of Translation". In R.A. Brower, (dir.), 1959, *On Translation* (pp.232-39). Cambridge, Harvard University Press].
3. Larose, R. (1989) *Théories contemporaines de la traduction*. 2^e édit. Québec : Presses de l'Université du Québec.
4. Mounin G. (1963) *Les problèmes théoriques de la traduction*. Paris : Gallimard
5. Newmark, P. (1981) *Approaches to Translation*. New York: Prentice Hall.
6. Seleskovitch, D. & Lederer, M. (1986) *Interpréter pour traduire*. Paris: Didier Erudition, 2^e édit. Coll. Traductologie 1.
7. Vũ Văn Đại (2011) *Lí luận và thực tiễn dịch thuật*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

(Toà soạn nhận bài viết ngày 09/4/2018, duyệt đăng ngày 14/6/2018)